Chi tiết mã HS 0707.00.00

Mã HS	0707.00.00
Mô tả hàng hóa	Dưa chuột và dưa chuột ri, tươi hoặc ướp lạnh
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 13:05:46
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/07070000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K1074
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N1074
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q1074
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH, LA, PH)	0% (trừ KH, LA, PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14	14%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E1060
ATIGA	2022	2022	0	AT!E1061
ATIGA	2023	2023	0	AT!F1061
ATIGA	2024	2024	0	AT!G1061
ATIGA	2025	2025	0	AT!H1061
ATIGA	2026	2026	0	AT!I1061
ATIGA	2027	2027	0	AT!J1061
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E1063
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F1063
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G1063
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H1063

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I1063
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J1063
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2.5	VJ!E1065
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	1	VJ!F1065
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G1065
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H1065
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I1065
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J1065
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F1067
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H1062
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F1063
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G1063
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H1063
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I1063
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J1063
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K1063
VKFTA	2022	2022	0	VK!E1061
VKFTA	2023	2023	0	VK!F1061
VKFTA	2024	2024	0	VK!G1061
VKFTA	2025	2025	0	VK!H1061
VKFTA	2026	2026	0	VK!I1061
VKFTA	2027	2027	0	VK!J1061
VCFTA	2022	2022	4	VC!D1072
VCFTA	2023	2023	2	VC!E1072
VCFTA	2024	2024	0	VC!F1072
VCFTA	2025	2025	0	VC!G1072

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H1072
VCFTA	2027	2027	0	VC!I1072
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D1069
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E1069
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F1069
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G1069
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H1069
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I1069
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D213
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E213
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D1079
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E1079
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F1079
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G1079
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H1079
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I1079
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D1062
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E1062
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F1062
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G1062
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H1062
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I1062
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D1064
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E1064
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F1064
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G1064

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H1064
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I1064
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D1062
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E1062
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F1062
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G1062
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H1062
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I1062
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J1062
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D1065
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E1065
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F1065
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G1065
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H1065
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I1065
RCEP B	2022	2022	18	B!D1065
RCEP B	2023	2023	16	B!E1065
RCEP B	2024	2024	14	B!F1065
RCEP B	2025	2025	12	B!G1065
RCEP B	2026	2026	10	B!H1065
RCEP B	2027	2027	8	B!I1065
RCEP C	2022	2022	18	C!D1065
RCEP C	2023	2023	16	C!E1065
RCEP C	2024	2024	14	C!F1065
RCEP C	2025	2025	12	C!G1065
RCEP C	2026	2026	10	C!H1065

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	8	C!I1065
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D1065
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E1065
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F1065
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G1065
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H1065
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I1065
RCEP E	2022	2022	18	E!D1066
RCEP E	2023	2023	16	E!E1066
RCEP E	2024	2024	14	E!F1066
RCEP E	2025	2025	12	E!G1066
RCEP E	2026	2026	10	E!H1066
RCEP E	2027	2027	8	E!I1066
RCEP F	2022	2022	18	F!D1065
RCEP F	2023	2023	16	F!E1065
RCEP F	2024	2024	14	F!F1065
RCEP F	2025	2025	12	F!G1065
RCEP F	2026	2026	10	F!H1065
RCEP F	2027	2027	8	F!I1065
VIFTA	2024	2024	18	VI!F1023
VIFTA	2025	2025	16	VI!G1023
VIFTA	2026	2026	14	VI!H1023
VIFTA	2027	2027	12	VI!I1023

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Kiểm dịch thực vật (01/2024/TT-BNNPTNT M9)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0707.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 0707.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N1074), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
Kiểm dịch thực vật (01/2024/TT-BNNPTNT M9)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.